

2 TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2024/HS-ST
Ngày: 03 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bò Quốc Khánh;

2. Ông Đoàn Văn Lược.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên tham gia phiên tòa:*
Ông Võ Hữu Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 6 và 03 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 79/2023/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2023; các Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/HSST-QĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023, số 09/2024/HSST-QĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024, số 14/2024/HSST-QĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 02/TB-TA ngày 15 tháng 4 năm 2024 và số 04/TB-TA ngày 14 tháng 6 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. **Vũ L**, sinh năm 1997, tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ A, ấp C, xã M, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình T, sinh năm 1972 và bà Vũ Thị N, sinh năm 1972. Bị cáo chưa có vợ con, có 01 người em sinh năm 2004. Tiền án: Không, tiền sự: Không, nhân thân: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2022 đến ngày 08/7/2022 tại ngoại cho gia đình bảo lãnh. Bị tạm giam lại từ ngày 08/8/2022 đến ngày 31/8/2022 thay đổi sang biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay - Có mặt.

2. **Võ Hùng T**, sinh năm 1983, tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp G, xã M, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Cạo mủ cao su; trình độ học vấn: Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn C, sinh năm 1936 (Còn sống) và bà Lê Thị T, sinh năm 1953 (đã chết); vợ: Nguyễn Thanh H, sinh năm 1984 và 01 con sinh năm 2007. Tiền án:

Không, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2022 đến ngày 29/4/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay - Có mặt.

3. **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1972, tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp G, xã M, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1945 (Đã chết) và bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1945 (Còn sống); vợ: Võ Thị Thu B, sinh năm 1972 và 02 con sinh năm 1996 và năm 2003. Tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2022 đến ngày 29/4/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay - Có mặt.

4. **Phạm Văn C** (Tên gọi khác: L1), sinh năm 1981, tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp Đ, xã M, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Cạo mủ cao su; trình độ học vấn: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T1, sinh năm 1958 (Còn sống) và bà Bồ Thị G, sinh năm 1957 (Đã chết); vợ: Nguyễn Thị P, sinh năm 1985 và 01 con sinh năm 2000. Tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2022 đến ngày 29/4/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay - Có mặt.

5. **Bồ Văn H2** (Tên gọi khác: E), sinh năm 1983, tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp Đ, xã M, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ học vấn: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bồ Văn X (Đã chết) và bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1940; vợ: Tạ Thùy T, sinh năm 1989 và 02 con sinh năm 2012 và năm 2015. Tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2022 đến ngày 29/4/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay - Có mặt.

6. **Lê Thành Đ**, sinh năm 1994, tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp Đ, xã M, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T2, sinh năm 1967 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1968 (Đều còn sống); vợ: Ngô Thị H2, sinh năm 1996 và 01 con sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2022 đến ngày 29/4/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay - Có mặt.

7. **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1976, tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Số X, Tổ B, ấp Đ, xã M, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Cạo mủ cao su; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1932 (Đã chết) và bà Mai Thị L, sinh năm 1942 (Đã chết); vợ: Huỳnh Kim H, sinh năm 1976 và 02 con sinh năm 1999 và năm 2006; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2022 đến ngày 29/4/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay - Có mặt.

8. **Nguyễn Văn V1**, sinh năm 1976, tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp G, xã M, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Cạo mủ cao su; trình độ học vấn: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1944 (Đã chết) và bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1948; vợ: Phạm Huỳnh L, sinh năm 1981 và 02 con sinh năm 2004 và năm 2014; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2022 đến ngày 29/4/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay - Có mặt.

9. **Phạm Văn T1**, sinh năm 1974, tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Số Y, Tổ D, ấp S, xã M, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn K, sinh năm 1943 (Còn sống) và bà Nguyễn Thị K2, sinh năm 1946 (Đã chết năm 2021); vợ: Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1977 và 04 con lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2022 đến ngày 29/4/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay - Có mặt.

10. **Văn Quang H**, sinh năm 1982, tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Số Z, Tổ A, ấp G, xã M, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Văn Quang C, sinh năm 1945 (Đã chết) và bà Bò Thị G, sinh năm 1954 (Còn sống); vợ: Lê Thị H, sinh năm 1985 và 02 con sinh năm 2007 và năm 2011; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2022 đến ngày 29/4/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay - Có mặt.

11. **Lê Văn D**, sinh năm 1977, tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp G, xã M, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê X, sinh năm 1930 và bà Phạm Thị C, sinh năm 1940; vợ: Đoàn Thị G, sinh năm 1981 và 03 con lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2022 đến ngày 29/4/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay - Có mặt.

12. **Phạm Văn S**, sinh năm 1977, tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp S, xã M, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Cán bộ (Đã nghỉ việc); trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N, sinh năm 1941 và bà Bò Thị C, sinh năm 1948; vợ: Phạm Thị M, sinh năm 1976 (Đã ly hôn năm 2015) và 02 con sinh đôi năm 2002; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2022 đến ngày 29/4/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay - Có mặt.

13. **Phạm Văn P** (Tên gọi khác: B), sinh năm 1979, tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp S, xã M, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề

nghề nghiệp: Cạo mủ cao su; trình độ học vấn: Lớp 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn X, sinh năm 1952 (đã chết) và bà Đỗ Thị L, sinh năm 1957(Còn sống); vợ: Lê Thị Kiều O, sinh năm 1981 và 03 con chung, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2022 đến ngày 29/4/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay - Có mặt.

14. **Phạm Văn K**, sinh năm 1943, tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Số Y, Tổ D, ấp S, xã M, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Già yếu; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn P, 1928 (Đã chết) và bà Đỗ Thị X, 1927 (Đã chết); vợ: Nguyễn Thị K2, sinh năm 1946 (Đã chết); có 06 người con, lớn nhất không rõ năm sinh (Đã chết), nhỏ nhất sinh năm 1974; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/4/2022 cho đến nay - Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn K:* Ông Đỗ Thanh Vũ - Luật sư thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Dương là người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn K - Có mặt.

15. **Đoàn Minh H1**, sinh năm 1995, tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp S, xã M, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn H3, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1973; vợ: Phạm Phương T, sinh năm 1999 và 02 con sinh năm 2019 và năm 2021; tiền án: Ngày 27/9/2021 bị kết án 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án (27/9/2021) về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” tại bản án số 57/2021/HS-ST, ngày 29/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, chưa chấp hành xong; tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2022 đến ngày 08/7/2022 tại ngoại cho gia đình bảo lãnh. Bị tạm giam lại từ ngày 08/8/2022 đến ngày 31/8/2022 thay đổi sang biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay - Có mặt.

16. **Nguyễn Tấn Đ1**, sinh năm 1993, tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ A, ấp C, xã M, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ học vấn: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971 và bà Bùi Thị Thu H, sinh năm 1974 (Đều còn sống); bị cáo chưa có vợ con; có 01 người em sinh năm 1994. Tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2022 đến ngày 29/4/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay - Có mặt.

17. **Nhạc Hữu L1**, sinh năm 1995, tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ K, ấp S, xã M, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nhạc Văn P, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1980 (Mẹ kế); bị cáo chưa có vợ, con; có 03 anh em ruột, lớn nhất là bị cáo,

nhỏ nhất không rõ năm sinh; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2022 đến ngày 29/4/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Do bị cáo vi phạm nghĩa vụ bỏ trốn khỏi nơi cư trú, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định truy nã số 444/QĐTN-CSĐT, ngày 31/5/2024, đến ngày 08/6/2024 bị bắt theo quyết định truy nã và tạm giam cho đến nay - Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1999; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp Đ, xã M, huyện B, tỉnh Bình Dương - Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1984 (Vợ bị cáo Võ Hùng T); nơi đăng ký thường trú: Ấp S, xã M, huyện B, tỉnh Bình Dương - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ L, Võ Hùng T, Nguyễn Văn M, Đoàn Minh H1, Nhạc Hữu L1, Nguyễn Tấn Đ1, Lê Thành Đ, Phạm Văn P, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn V1, Phạm Văn S, Lê Văn D, Nguyễn Văn V, Phạm Văn C, Văn Quang H, Bò Văn H2 và Phạm Văn K là những người làm ăn chung, sinh sống cùng địa phương nên quen biết nhau, trong đó Phạm Văn K và Phạm Văn T1 là cha, con ruột của nhau.

Khoảng 16 giờ 00, ngày 29/01/2022, Võ Hùng T tổ chức lễ “Tất Niên” tại nhà riêng số W đường ĐT X, ấp G, xã M, huyện B, tỉnh Bình Dương và mời một số khách đến dự tiệc trong đó có L, M, H1, P, T1, V, S, D, V1, C, H2, H, K, Đ1 và Thành Đ. Trong lúc ăn uống, L nghe có người trong bàn tiệc rủ nhau đánh tài xỉu thắng thua bằng tiền nhưng không xác định được ai trong bàn tiệc là người đề xướng. Lúc này, L lấy điện thoại di động thông minh trong người ra lên mạng xã hội tải phần mềm chơi game “Xúc xắc” là ứng dụng có thể sử dụng để làm cái lắc tài - xỉu cho người khác cá cược, sau đó L rời bàn tiệc đi vào phòng khách nhà của T bên trong khu vực đãi tiệc và ngồi trong phòng khách lấy điện thoại ra để trên bàn lắc tài - xỉu nhằm kích thích sự tò mò của người khác. Khi thấy L lắc tài xỉu trong phòng khách nhà T thì một số khách dự tiệc rời bàn tiệc đi vào chỗ L ngồi và đặt cược. Lúc này, L ấn định cho người chơi đặt vào ô tài hoặc ô xỉu mỗi lần L lắc (Mỗi ván) từ 100.000đ đến tối đa là 5.000.000đ, nếu kết quả ván tài - xỉu do L lắc trên điện thoại cho ra 03 mặt của 03 hạt xí ngẫu có tổng số điểm dưới 10 điểm thì là “Xỉu”, người đặt cược vào ô “Xỉu” sẽ thắng số tiền tương đương tiền đặt cược, người đặt vào ô “Tài” sẽ thua hết số tiền cược; ngược lại nếu kết quả cho ra 03 mặt của 03 hạt xí ngẫu có tổng số điểm từ 10 điểm đến 18 điểm là “Tài” người đặt cược vào ô “Tài” sẽ thắng số tiền tương đương tiền đặt cược, người đặt vào ô “Xỉu” sẽ thua hết số tiền cược. Lúc này, do số người tham gia đặt cược quá đông, số tiền cược nhiều nhưng L chỉ mang theo trong người 6.000.000đ không đủ chung, chỉ cho người chơi khi lắc tài - xỉu nên L ra khu vực đãi tiệc gặp Nguyễn Tấn Đ1 là bạn của L hỏi mượn thêm của Tấn Đ1 30.000.000đ và không nói cho Đ1 biết mượn tiền làm gì và Tấn Đ1 đang ăn uống nên cũng đồng ý đưa cho L mượn số tiền 30.000.000đ và không hỏi mục đích L sử dụng làm gì. Khi đã có số tiền 36.000.000đ, L trở lại phòng khách nhà T ngồi làm cái lắc tài - xỉu trên game điện thoại cho mọi người đặt cược. Khi đang tiếp

khách tại khu vực đãi tiệc phía trước nhà, T nhìn thấy có đông người đang tập trung tại phòng khách lắc tài - xỉu được thắng thua bằng tiền nhưng T không phản đối, không có ý kiến ngăn cản, ngược lại T nhờ Lê Văn D đặt cược giúp cho T 03 ván tài - xỉu mỗi ván 200.000đ và được D đồng ý nhưng T chưa đưa tiền cho D. D sử dụng số tiền mang theo trong người là 600.000đ vào đặt cược giúp cho T 03 ván bạc nhưng bị thua cả 03 ván, D hết tiền trong người nên đứng xem người khác đánh cược. Ngoài ra, T được Phạm Văn S đưa cho T 400.000đ nhờ T vào đánh giúp 02 ván tài - xỉu, mỗi ván 200.000đ, nếu thắng sẽ cho tiền nhạc công đang chơi nhạc phía trước khu vực đãi tiệc và T đồng ý, T đánh giúp cho S 02 ván bạc đều bị thua nên quay ra khu vực đãi tiệc tiếp khách. Phạm Văn P mang theo số tiền 100.000đ, P vào tham gia đặt cược 01 ván tài - xỉu nhưng bị thua hết tiền nên đứng xem người khác đánh cược, Phạm Văn K vào đánh 01 ván tài - xỉu 100.000đ nhưng bị thua nên K không chơi nữa và đứng xem người khác đánh cược. Văn Quang H mang theo số tiền 600.000đ, tham gia đánh 03 ván tài - xỉu và bị thua hết cả 03 ván, hết tiền H đứng xem người khác đánh cược.

Trong lúc Đoàn Minh H1, Nhạc Hữu L1, Nguyễn Tấn Đ1 (Đều là bạn thân của Vũ Lâm) đi vệ sinh ngang qua phòng khách nhà T thì thấy L làm cái lắc tài - xỉu cho người khác cá cược bằng tiền và quá đông người tham gia đặt cược nên xảy ra cãi vã về số tiền thắng, thua giữa L (Người làm cái) và những con bạc (Người đặt cược) mỗi khi có kết quả thể hiện trên điện thoại của L. Lúc này, H1, L1 và Tấn Đ1 nói với L để H1, L1 và Tấn Đ1 phụ giúp L kiểm soát số tiền người đặt cược và kiểm soát kết quả thắng, thua của người chơi, còn việc chung tiền cho người thắng, thu tiền của người thua thì do L tự thực hiện thì L đồng ý và nhờ H1, L1, Đ1 giúp cho mình, khi kết thúc chiều bạc L hứa sẽ mời H1, Đ1, L1 đi uống bia nên H1, L1 và Đ1 vào giúp L kiểm soát việc cá cược của người chơi.

Trong lúc cả nhóm Vũ L, M, H1, L1, Đ1, Đ, P, T1, V1, S, D, V, C, H, H2, K đang đánh bạc thì bị lực lượng Công an huyện Bắc Tân Uyên phối hợp cùng lực lượng Cảnh sát Hình sự Công an tỉnh Bình Dương phát hiện bắt quả tang lúc 20 giờ 00, ngày 29/01/2022.

* Vật chứng, đồ vật khác thu giữ khi bắt người phạm tội quả tang gồm:

1. Thu giữ tại chiều bạc: Số tiền mặt 78.500.000đ (Bảy mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) và 01(Một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max.

2. Thu giữ trên người các con bạc và tại hiện trường:

- Thu giữ của Vũ L: Trong người có số tiền 35.500.000đ, 01 (Một) xe mô tô biển số 69H1-279.xx, bên trong cốp xe mô tô có số tiền mặt 60.000.000đ;

- Thu giữ của Nguyễn Văn M: Trong người có số tiền 4.500.000đ, 01 (Một) xe mô tô biển số 61N1- 049.xx, 01(Một) điện thoại di động Sam Sung màu đen và 01 (Một) ví da màu đen;

- Thu giữ của Lê Thành Đ: Trong người có số tiền 5.000.000đ và 01 điện thoại di động Iphone màu bạc;

- Thu giữ của Nguyễn Văn V1: Trong người có số tiền 2.000.000đ và 01 điện thoại di động Sam Sung màu bạc;

- Thu giữ của Phạm Văn T1: Trong người có số tiền 4.500.000đ, 01 (Một) xe ô tô biển số 61K1-003.xx, 01 (Một) điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen và 01 (Một) điện thoại di động hiệu iphone X màu bạc;

- Thu giữ của Nguyễn Văn V: Trong người có số tiền 3.000.000đ và 01 điện thoại di động hiệu VIVO màu đỏ;

- Thu giữ của Đoàn Minh H1: Trong người có số tiền 22.000.000đ, 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO màu đen và 01 (Một) xe mô tô biển số 61G1-796.xx;

- Thu giữ của Bò Văn H2: trong người có số tiền 20.000.000đ và 01 (Một) điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, model TA 1174;

- Thu giữ của Phạm Văn C: Trong người có số tiền 13.500.000đ, 01 (Một) điện thoại di động hiệu Sam sung, màu đen, 01 (Một) điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, model TA 1174 và 01(Một) xe mô tô biển số 52F5-64xx;

- Thu giữ của Nguyễn Tấn Đ1: Trong người có số tiền 6.500.000đ và 01 (Một) điện thoại di động Iphone màu vàng;

- Thu giữ trong người của Phạm Văn S số tiền 3.500.000đ;

- Thu của Nhạc Hữu L1: Trong người có số tiền 11.500.000đ và 01 (Một) điện thoại di động Iphone màu xanh;

- Thu giữ của Phạm Văn K: Trong người có số tiền 4.000.000đ, 01 (Một) xe mô tô biển số 61-xxx.EU và 01 (Một) điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen.

- Thu giữ của Phạm Văn P: 01 (Một) xe mô tô biển số 61L2-4668 và 01 (Một) điện thoại di động Sam Sung màu xanh;

- Thu giữ của Văn Quang H: 01 (Một) xe mô tô biển số 61T3-0098 và 01 (Một) điện thoại di động Iphone màu vàng.

* Trong quá trình điều tra, các đối tượng khai nhận và có căn cứ xác định các đối tượng sử dụng để đánh bạc như sau:

- Vũ L mang theo số tiền 66.000.000đ, trong đó 60.000.000 đồng để trong bóp xe mô tô biển số 69H1 - 274.xx là tiền do chị Nguyễn Thị Ngọc H giao cho L để đặt tiệc cưới cho L và chị H nên L không sử dụng để đánh bạc. Số tiền còn lại của L 6.000.000đ và L hỏi mượn thêm của bạn là Nguyễn Tấn Đ1 30.000.000đ nhưng Tấn Đ1 khi cho mượn không biết L sử dụng để đánh bạc. Tổng số tiền L sử dụng vào việc đánh bạc là 36.000.000đ, quá trình đánh bạc L bị thua 500.000đ, còn lại 35.500.000đ bị thu giữ trong người.

- Nguyễn Văn M mang theo số tiền 7.000.000 đồng và sử dụng hết số tiền này để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, M bị thua 2.500.000đ, số tiền còn lại 4.500.000đ bị thu giữ trên người của Minh khi bị bắt quả tang.

- Phạm Văn C mang theo số tiền 4.000.000đ và sử dụng hết số tiền này để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, C thắng được số tiền 9.500.000đ, bị thu giữ số tiền 13.500.000đ là tiền Công sử dụng đánh bạc và thắng bạc.

- Bò Văn H2 mang theo số tiền 23.700.000đ, H2 lấy ra số tiền 3.700.000đ để

đánh bạc, số tiền 20.000.000đ do H2 vay của Võ Hùng T để mua bò về nuôi nên cất trong ví da cá nhân không sử dụng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, H2 bị thua hết số tiền 3.700.000đ. Khi bị bắt, H2 bị thu giữ trong ví da số tiền 20.000.000đ và số tiền này H2 không sử dụng để đánh bạc.

- Lê Thành Đ mang theo số tiền 8.000.000đ và sử dụng số tiền 3.000.000đ để đánh bạc, số tiền 5.000.000đ còn lại để mua sắm đồ Tết cho vợ con, Đ cất vào ví da không sử dụng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, Đ bị thua số tiền 2.000.000đ. Khi bị bắt quả tang, Đ bị thu giữ số tiền 6.000.000đ gồm 5.000.000đ trong người và 1.000.000đ đang đặt cược trên chiếu bạc tại vị trí ngồi của Lê Thành Đ.

- Nguyễn Văn V1 mang theo số tiền 2.700.000đ và sử dụng hết số tiền này để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, V1 bị thua 700.000đ, bị thu giữ số tiền đánh bạc còn lại là 2.000.000đ.

- Nguyễn Văn V mang theo số tiền 2.500.000đ nhưng chỉ sử dụng số tiền 1.000.000đ để đánh bạc, số tiền 1.500.000đ, V cất trong ví da để dành mua sắm đồ Tết cho con không sử dụng vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc, V thắng được 500.000đ. Khi bắt quả tang, V bị thu giữ số tiền 3.000.000đ, bao gồm số tiền trong ví 1.500.000đ và số tiền đánh bạc và thắng bạc của V là 1.500.000đ.

- Phạm Văn T1 mang theo số tiền 5.150.000đ nhưng T1 chỉ sử dụng số tiền 650.000đ để đánh bạc, số tiền 4.500.000đ còn lại T1 cất trong ví da để dành mua sắm hàng hóa Tết không sử dụng vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc, T1 bị thua hết toàn bộ số tiền 650.000đ và bị thu giữ số tiền 4.500.000đ trong ví da cá nhân của Phạm Văn T1.

- Văn Quang H mang theo số tiền 600.000đ và sử dụng hết số tiền này để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, H bị thua hết số tiền mang theo và đứng xem mọi người đánh bạc thì bị bắt.

- Lê Văn D mang theo số tiền 600.000đ, D sử dụng hết số tiền này để đánh bạc giúp cho Võ Hùng T 03 ván cược và bị thua hết số tiền trên, D đứng xem mọi người đánh bạc thì bị bắt.

- Phạm Văn S mang theo số tiền 3.900.000đ nhưng chỉ sử dụng số tiền 400.000đ để nhờ Võ Hùng T đánh giúp hai ván bạc, số tiền 3.500.000đ, S để dành mua sắm Tết không sử dụng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, S thua hết số tiền 400.000đ nên nghỉ cả cược. Khi bị bắt quả tang, thu giữ trên người của Phạm Văn S số tiền 3.500.000đ.

- Phạm Văn P mang theo số tiền 100.000đ và sử dụng hết số tiền này để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, P bị thua hết số tiền mang theo.

- Phạm Văn K mang theo số tiền 4.100.000đ, nhưng chỉ sử dụng số tiền 100.000đ để cược 01 ván bạc và bị thua nên K không cược nữa và đứng xem người khác đánh bạc. Số tiền 4.000.000đ, ông K để dành mua sắm Tết nên không sử dụng để đánh bạc. Khi bắt quả tang thu giữ số tiền 4.000.000đ trong người của Phạm Văn K.

- Võ Hùng T cất trong người số tiền 800.000đ và sử dụng hết số tiền này để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, T nhờ Lê Văn D cược giúp 03 ván bạc mỗi ván 200.000đ nhưng đều bị thua hết 03 ván bạc, số tiền này T chưa trả lại cho D. Ngoài ra, Phạm Văn

S giao cho T số tiền 400.000đ nhờ T cược giúp cho S 02 ván bạc, mỗi ván 200.000đ, T đã đặt cược giúp cho S nhưng cả hai ván bạc cược giúp đều bị thua hết tiền. Do đó, xác định số tiền T sử dụng vào việc đánh bạc là 1.800.000đ (Bao gồm tiền trong người T sẽ sử dụng để đánh bạc, số tiền 600.000đ T nhờ D đánh bạc thay và số tiền 400.000đ T đánh bạc giúp cho Phạm Văn S).

- Nguyễn Tấn Đ1 mang theo số tiền 36.500.000đ, số tiền này Đ1 cho Vũ L vay 30.000.000đ nhưng không biết L vay để đánh bạc. Đ1 không tham gia đặt cược nhưng khi thấy L làm cái lặc tài xỉu, Nguyễn Tấn Đ1 xin vào tham gia giúp cho L kiểm soát số tiền các con bạc đặt cược và số tiền thắng, thua bạc. Khi bắt quả tang thu giữ trên người của Nguyễn Tấn Đ1 số tiền 6.500.000đ nhưng Đ1 không sử dụng vào việc đánh bạc.

- Nhạc Hữu L1 mang theo số tiền 11.500.000đ nhưng không sử dụng để đánh bạc. Khi thấy giữa con bạc và Vũ L cãi vã nhau về số tiền thắng thua trên ván bạc nên L1 xin vào giúp L kiểm soát số tiền đặt cược và số tiền thắng thua bạc của người chơi và được L đồng ý. Khi bắt quả tang thu giữ trên người Nhạc Hữu L1 số tiền 11.500.000đ nhưng L1 không sử dụng số tiền này để đánh bạc.

- Đoàn Minh H1 mang theo số tiền 22.000.000đ nhưng không sử dụng để đánh bạc. Khi thấy giữa con bạc và Vũ L cãi vã nhau về số tiền thắng thua trên ván bạc nên H1 xin vào giúp L kiểm soát số tiền đặt cược và số tiền thắng thua bạc của người chơi và được L đồng ý. Khi bắt quả tang thu giữ trên người Đoàn Minh H1 số tiền 22.000.000đ nhưng H1 không sử dụng số tiền này để đánh bạc.

Quá trình điều tra có đủ căn cứ xác định tổng số tiền Vũ L và 16 người khác sử dụng đánh bạc trên chiếu bạc “Tài - Xỉu” tại phòng khách nhà của Võ Hùng T, ngày 29/01/2022 là 136.300.000đ (Một trăm ba mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng). Trong đó: Số tiền thu giữ trực tiếp tại chiếu bạc 78.500.000đ và số tiền thu giữ được trên người các con bạc và có căn cứ xác định số tiền đó các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc, thắng bạc là 57.800.000đ (Năm mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

Ngày 07/02/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và tạm giam các bị can Vũ L, Phạm Văn T1, Nguyễn Tấn Đ1, Lê Văn D, Văn Quang H, Võ Hùng T, Đoàn Minh H1, Bò Văn H2, Phạm Văn P, Nhạc Hữu L1, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn M, Lê Thành Đ, Phạm Văn C, Nguyễn Văn V, Phạm Văn S để điều tra về hành vi đánh bạc theo quy định tại khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Đến ngày 26/4/2022 khởi tố bổ sung đối với bị can Phạm Văn K để điều tra về hành vi đánh bạc theo quy định tại khoản 2 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Bản Cáo trạng số 52/CT-VKS ngày 27/7/2022, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo Vũ L, Võ Hùng T, Phạm Văn P, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn M, Phạm Văn S, Lê Văn D, Lê Thành Đ, Nguyễn Văn V, Phạm Văn C, Văn Quang H, Bò Văn H2, Đoàn Minh H1, Nhạc Hữu L1, Nguyễn Tấn Đ1, và Phạm Văn K về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên đã 03 lần trả hồ sơ yêu cầu Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên điều tra bổ sung để làm rõ vai trò

của bị cáo Vũ L có dấu hiệu của hành vi “Tổ chức đánh bạc”, các bị cáo Đoàn Minh H1, Nguyễn Tấn Đ1, Nhạc Hữu L1 có vai trò giúp sức cho bị cáo Vũ L đối với hành vi tổ chức đánh bạc và bị cáo Võ Hùng T có dấu hiệu phạm tội “Gá bạc” theo quy định tại Điều 322 của Bộ luật Hình sự. Kết quả cả 03 lần Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên đều không thống nhất quan điểm của Tòa án vì cho rằng vụ án thuộc trường hợp “Một người đánh bạc với nhiều người”, do đó Viện Kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm chỉ truy tố các bị cáo Vũ L, Võ Hùng T, Phạm Văn P, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn M, Phạm Văn S, Lê Văn D, Lê Thành Đ, Nguyễn Văn V, Phạm Văn C, Văn Quang H, Bò Văn H2, Đoàn Minh H1, Nhạc Hữu L1, Nguyễn Tấn Đ1 và Phạm Văn K về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như cáo trạng số 52/CT-VKS ngày 27/7/2022, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Tòa án xét xử các bị cáo theo tội danh do Viện Kiểm sát đã truy tố.

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo: Vũ L, Võ Hùng T, Phạm Văn P, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn M, Phạm Văn S, Lê Văn D, Lê Thành Đ, Nguyễn Văn V, Phạm Văn C, Văn Quang H, Bò Văn H2, Đoàn Minh H1, Nhạc Hữu L1, Nguyễn Tấn Đ1 và Phạm Văn K phạm tội “Đánh bạc”.

** Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với các bị cáo như sau:*

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ L từ 03 (Ba) năm 06 tháng đến 04 (Bốn) năm tù; xử phạt bị cáo Nhạc Hữu L1 từ 03 (Ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 tháng tù;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đoàn Minh H1 từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Đồng thời áp dụng Điều 55, khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo tại Bản án số 57/2021/HS-ST, ngày 29/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương về tội cố ý làm hư hỏng tài sản, buộc bị cáo Đoàn Minh H1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 2 của Nghị quyết hợp nhất số 02/2022/VBHN-HĐTP ngày 07/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt các bị cáo: Nguyễn Văn M, Võ Hùng T, Phạm Văn C, Bò Văn H2, Lê Thành Đ, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn V, Phạm Văn T1, Văn Quang H, Lê Văn D, Phạm Văn S, Phạm Văn P, Nguyễn Tấn Đ1 mỗi bị cáo 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách 05 năm;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, Điều 17, Điều 38, điểm x, v, o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn K từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm cải tạo không giam giữ.

** Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tuyên:*

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền đánh bạc là 136.300.000đ (Một trăm ba mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc H: 01 điện thoại iPhone 12 Promax và số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) đã thu giữ của bị cáo Vũ L nhưng thuộc sở hữu của bà H, bà H giao số tiền nói trên cho bị cáo L đặt tiệc cưới và điện thoại do bị cáo L mượn của bà H;

- Trả lại cho các bị cáo số tiền thu giữ nhưng không sử dụng vào việc đánh bạc bao gồm: Bò Văn H2 20.000.000đ; Lê Thành Đ 5.000.000đ; Nguyễn Văn V 1.500.000đ; Phạm Văn T1 4.500.000đ; Phạm Văn S 3.500.000đ; Phạm Văn K 4.000.000đ; Nguyễn Tấn Đ1 6.500.000đ, Nhạc Hữu L1 11.500.000đ, Đoàn Minh H1 22.000.000đ.

- Đối với các xe mô tô thu giữ tại hiện trường: Xe mô tô biển số 61L2-46xx thu giữ của Phạm Văn P, xe mô tô biển số 61K-00.3xx thu giữ Phạm Văn T1, xe mô tô biển số 61N1-049xx thu giữ của Nguyễn Văn M, xe mô tô biển số 61G1-796.xx thu giữ của Đoàn Minh H1, xe mô tô biển số 52F5-64xx và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 52F5-64xx thu giữ của Phạm Văn C, xe mô tô biển số 61T3-00xx thu giữ của Văn Quang H, xe mô tô biển số 61-xxxEU thu giữ của Phạm Văn K; 01 điện thoại di động Iphone màu vàng thu giữ của Nguyễn Tấn Đ1, 01 điện thoại di động Sam sung màu xanh thu giữ của Phạm Văn P, 01 điện thoại di động Iphone màu vàng thu giữ của Võ Hùng T, 01 điện thoại di động Iphone X màu bạc bị nứt và 01 điện thoại di động Nokia màu đen, model TA 1203 thu giữ của Phạm Văn T1, 01 điện thoại di động Sam sung màu bạc bị nứt màn hình phía trước thu giữ của Nguyễn Văn V1, 01 điện thoại di động Sam sung màu xanh đen và 01 bóp da màu đen thu giữ của Nguyễn Văn M, 01 điện thoại di động Iphone màu bạc thu giữ của Lê Thành Đ, 01 điện thoại di động OPPO màu đen thu giữ của Đoàn Minh H1, 01 điện thoại di động VIVO màu đỏ thu giữ của Nguyễn Văn V, 01 điện thoại di động Iphone màu xanh thu giữ của Nhạc Hữu L1, 01 điện thoại di động Sam sung màu đen và 01 điện thoại di động Nokia màu đen, model TA 1174 thu giữ của Phạm Văn C, 01 điện thoại di động Nokia màu đen thu giữ của Phạm Văn K, 01 điện thoại di động Iphone màu vàng thu giữ của Văn Quang H và 01 điện thoại di động Nokia màu đen, model TA 1174 thu giữ của Bò Văn H2. Các tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cơ quan điều tra đã xử lý trả lại xong cho chủ sở hữu là đúng quy định tại Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự nên không đặt ra xem xét.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn K phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo như sau: Thống nhất quan điểm của Viện Kiểm sát về việc đề nghị tuyên bố bị cáo Phạm Văn K phạm tội đánh bạc theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Về mức hình phạt Viện Kiểm sát yêu cầu xử phạt đối với bị cáo Phạm Văn K hình phạt cải tạo không giam giữ là đúng quy định pháp luật và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội là người trên 70 tuổi (Bị cáo K tại thời điểm phạm tội là 79 tuổi và tại thời điểm xét xử đã 81 tuổi). Bị cáo K tuổi cao, sức yếu, bệnh tật thường xuyên, sức khỏe không đảm bảo phải nhập viện cấp cứu và điều trị thường xuyên. Bị cáo có 04 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm o, s, v, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự (Gia đình có công với cách

mạng) nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận đề nghị mức hình phạt của đại diện Viện Kiểm sát đối với bị cáo K, áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội là người già yếu.

Bị cáo Phạm Văn K không bổ sung nội dung khác ngoài quan điểm của người bào chữa cho bị cáo.

Các bị cáo còn lại không tranh luận, không tự bào chữa cho mình về tội danh, mức hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, biện pháp tư pháp do đại diện Viện Kiểm sát đề nghị.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Vũ L, Đoàn Minh H1, Nhạc Hữu L1 xin được giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo Nguyễn Văn M, Võ Hùng T, Phạm Văn C, Bò Văn H2, Lê Thành Đ, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn V, Phạm Văn T1, Văn Quang H, Lê Văn D, Phạm Văn S, Phạm Văn P, Nguyễn Tấn Đ1: Không có ý kiến gì; bị cáo Phạm Văn K xin được miễn hình phạt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thanh H1 (Vợ bị cáo Võ Hùng T) không yêu cầu gì trong vụ án, bà Nguyễn Thị Ngọc H yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét quyết định cho bà được nhận lại số tiền mặt 60.000.000đ và 01 điện thoại di động Iphone 12 Pro max.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Kinh, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra, của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, các hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng huyện Bắc Tân Uyên và của Điều tra viên, Kiểm sát viên, những người tiến hành tố tụng tố tụng khác là hợp pháp.

[2] Về việc Tòa án trả hồ sơ yêu cầu Viện Kiểm sát điều tra bổ sung để xác định có hay không hành vi phạm tội khác của các bị cáo Vũ L, Võ Hùng T, Đoàn Minh H1, Nguyễn Tấn Đ1 và Nhạc Hữu L1 nhưng cả 03 lần trả hồ sơ để điều tra bổ sung, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên đều không thống nhất quan điểm của Tòa án và giữ nguyên cáo trạng số 52/CT-VKS ngày 27/7/2022 truy tố các bị cáo: Vũ L, Võ Hùng T, Phạm Văn P, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn M, Phạm Văn S, Lê Văn D, Lê Thành Đ, Nguyễn Văn V, Phạm Văn C, Văn Quang H, Bò Văn H2, Đoàn Minh H1, Nhạc Hữu L1, Nguyễn Tấn Đ1, và Phạm Văn K về tội Đánh bạc theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ khoản 1 Điều 298 của Bộ luật Hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo tội danh Viện Kiểm sát đã truy tố.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai từng bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Đủ căn cứ kết luận: Lúc 20 giờ 00 ngày 29/01/2022 lực lượng Công an tỉnh Bình Dương và Công an huyện Bắc Tân Uyên phát hiện bắt quả tang các đối tượng Vũ L, Võ Hùng T, Phạm Văn P, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn M, Phạm Văn S, Lê Văn D, Lê Thành Đ, Nguyễn Văn V, Phạm Văn C, Văn Quang H, Bò Văn H2, Đoàn Minh H1, Nhạc Hữu L1, Nguyễn Tấn Đ1, và Phạm Văn K đã có hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh “Tài - Xiu” trên ứng dụng game của điện thoại di động. Người làm cái lắc tài - xiu là Vũ L và các bị cáo còn lại là người đặt cược hoặc giúp sức cho nhau trong việc đánh bạc, tổng số tiền đánh bạc được xác định là 136.300.000đ (Một trăm ba mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng). Hành vi nói trên do các bị cáo Vũ L, Võ Hùng T, Phạm Văn P, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn M, Phạm Văn S, Lê Văn D, Lê Thành Đ, Nguyễn Văn V, Phạm Văn C, Văn Quang H, Bò Văn H2, Đoàn Minh H1, Nhạc Hữu L1, Nguyễn Tấn Đ1, và Phạm Văn K đã thực hiện đủ các yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số 52/CT-VKS ngày 26/7/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên quyết định truy tố các bị cáo Vũ L, Võ Hùng T, Phạm Văn P, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn M, Phạm Văn S, Lê Văn D, Lê Thành Đ, Nguyễn Văn V, Phạm Văn C, Văn Quang H, Bò Văn H2, Đoàn Minh H1, Nhạc Hữu L1, Nguyễn Tấn Đ1, và Phạm Văn K về tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến truyền thống văn minh, nếp sống văn hóa là bài trừ tệ nạn xã hội “cờ bạc” của dân tộc ta đã có từ lâu đời. Việc đánh bạc có thể dẫn đến hậu quả về kinh tế cho bản thân người đánh bạc và gia đình họ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo đều là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ việc đánh bạc thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật có thể bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nhưng vì muốn chiếm đoạt tiền của nhau thông qua hình thức đánh bạc nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp hậu quả. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng với lỗi cố ý trực tiếp nên cần phải quyết định hình phạt đối với các bị cáo thật nghiêm khắc trên cơ sở tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, vai trò và số tiền của mỗi bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc trong vụ án này nhằm cá thể hóa hình phạt và đủ tác dụng răn đe, giáo dục người phạm tội và tác dụng phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, giúp sức nhau để thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó: Bị cáo Vũ L là người giữ vai trò quan trọng nhất trong vụ án, L là người đã tải ứng dụng game trò chơi “Xúc xắc” tức game cá cược Tài - Xiu về điện thoại iphone 12 Promax của mình, mang điện thoại và phòng khách mở ứng dụng game lắc tài - xiu nhằm khơi gợi, kích thích sự ham muốn cá cược của người khác xem như hành vi rủ rê, lôi kéo người khác tham gia đánh bạc được thắng thua bằng tiền, bị cáo cũng là người làm cái cho nhiều

người khác đặt cược, trong lúc đánh bạc bị cáo L cũng đã chủ động đề xuất cho các bị cáo L1, H1, Tấn Đ1 giúp sức cho mình trong việc kiểm soát số tiền cá cược của các con bạc. Trong vụ án, bị cáo Lâm là người tự đưa ra mức cược tối thiểu 100.000đ đến mức tối đa 5.000.000đ mỗi ván bạc và sử dụng số tiền rất lớn (36.000.000đ) để đánh bạc với vai trò người làm cái. Vụ án thuộc trường hợp một người đánh bạc với nhiều người, trong đó Vũ L giữ vai trò chủ đạo trên chiếu bạc, là người rủ rê, xúi giục người khác đánh bạc được thắng, thua bằng tiền. Vì vậy, mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo L phải thật nghiêm khắc và nặng nhất so với 16 bị cáo còn lại mới tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo L đã gây ra. Cần cách ly bị cáo L khỏi xã hội một thời gian đủ tác dụng răn đe, giáo dục người phạm tội ý thức chấp hành pháp luật và phòng ngừa tội phạm chung. Các bị cáo Nguyễn Văn M, Võ Hùng T, Lê Thành Đ, Phạm Văn C, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn V1, Lê Văn D, Phạm Văn T1, Bò Văn H2, Văn Quang H, Phạm Văn S, Phạm Văn P, Phạm Văn K, Đoàn Minh H1, Nhạc Hữu L1, Nguyễn Tấn Đ1 là người giúp sức cho bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đơn giản là đồng phạm giúp sức. Mục đích, động cơ phạm tội của các bị cáo này chỉ vì mong muốn được thắng cược từ số tiền mình đã đặt cược, đó là hành vi trái pháp luật vì động cơ vụ lợi muốn chiếm đoạt tiền lẫn nhau trong các con bạc và người làm cái nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Trong số các bị cáo M, T, Đ, C, V, V1, D, T1, H, H2, H1, S, P, K, Đ1, L1 thì bị cáo M sử dụng số tiền đánh bạc nhiều nhất (7.000.000đ), bị cáo T vừa là chủ nhà, vừa tham gia đánh bạc với số tiền 1.800.000đ, bị cáo P và bị cáo K là người sử dụng số tiền đánh bạc ít nhất 100.000đ, các bị cáo H1, L1 và Đ1 không trực tiếp tham gia đặt cược nhưng tham gia với vai trò giúp sức cho bị cáo L kiểm soát số tiền đánh bạc của các con bạc. Do đó, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng sẽ cân nhắc đến hành vi phạm tội, vai trò, số tiền đánh bạc để áp dụng hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án. Đối với bị cáo Đoàn Minh H1 phạm tội đánh bạc trong thời gian chưa chấp hành xong thời gian thử thách của án treo về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo bản án số 57/2021/HS-ST, ngày 29/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, căn cứ khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Hiệp đối với lần phạm tội này và tổng hợp hình phạt tù cho hưởng án treo mà bị cáo chưa chấp hành xong. Đối với bị cáo Nhạc Hữu L1 đã vi phạm nghĩa vụ, bỏ trốn khỏi nơi cư trú trong thời gian đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng không khai báo đã gây khó khăn, cản trở cho việc xét xử của Tòa án, Tòa án đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra truy nã theo Quyết định truy nã số 444 ngày 31/5/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên và bị bắt theo quyết định truy nã, do đó cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo L1 mới đủ tác dụng giáo dục, ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo, do đó bị cáo L1 không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đối với bị cáo Phạm Văn K, tại thời điểm phạm tội bị cáo đã trên 70 tuổi và tại thời điểm xét xử bị cáo K đã 81 tuổi, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giúp sức có vai trò không đánh kẻ trong vụ án, số tiền bị cáo đánh bạc không lớn (100.000đ/136.300.000đ), nhất thời phạm tội. Bị cáo là cán bộ lão thành cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân

chương kháng chiến hạng II và có nhiều thành tích xuất sắc trong sản xuất, kinh doanh giỏi được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương tặng bằng khen “Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi xã M”. Xét thấy, cần áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo K nhẹ hơn so với các bị cáo còn lại.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình: Trong vụ án, có bị cáo Đoàn Minh H1 bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự do bị cáo Hiệp có 01 tiền án về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” bị kết án 06 tháng tù cho hưởng án treo tại Bản án số 57/2021/HS-ST, ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, tính đến ngày phạm tội mới (ngày 29/01/2022) bị cáo chưa chấp hành xong thời gian thử thách của án treo. Các bị cáo còn lại: Vũ L, Võ Hùng T, Nguyễn Văn M, Phạm Văn C, Nguyễn Văn V1, Văn Quang H, Nguyễn Tấn Đ1, Phạm Văn S, Bò Văn H2, Nguyễn Văn V, Lê Thành Đ, Lê Văn D, Phạm Văn T1, Phạm Văn K, Phạm Văn P, Nhạc Hữu L1 không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo: Vũ L, Nguyễn Văn M, Võ Hùng T, Lê Thành Đ, Phạm Văn C, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn V, Lê Văn D, Phạm Văn T1, Bò Văn H2, Văn Quang H, Phạm Văn P, Nguyễn Tấn Đ1, Nhạc Hữu L1 và Đoàn Minh H1 đều có thái độ thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, tỏ ra ăn năn hối cải đối với bản thân nên cả 15 bị cáo nêu trên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra: Bị cáo Võ Hùng T có cha Võ Văn C được Nhà nước tặng huân chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo Nguyễn Văn M là lao động chính trong gia đình là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc mẹ ruột già yếu, bệnh tật là bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1950 được UBND xã M, huyện B xác nhận; bị cáo Bò Văn H2 là lao động chính trong gia đình, đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc mẹ ruột là bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1941 thường xuyên đau yếu, bệnh tật, có xác nhận của UBND xã M, huyện B; bị cáo Phạm Văn C là đội viên - Đội phòng chống tội phạm xã M, bị cáo có cha là ông Phạm Văn T là người có công với cách mạng (dân công hỏa tuyến) được UBND xã M, huyện B xác nhận; bị cáo Văn Quang H có cha là ông Văn Quang C được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì, có ông nội Văn Quang T là liệt sỹ, bà nội Lê Thị Đ được Nhà nước tặng thưởng huân chương độc lập hạng ba (Có xác nhận của UBND xã M, huyện B); bị cáo Lê Thành Đ là lao động chính trong gia đình đang trực tiếp nuôi con nhỏ là cháu Lê Ngô Gia B, sinh năm 2018, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, vợ bị cáo đang bị bệnh nặng không có khả năng lao động, được UBND xã M, huyện B xác nhận; bị cáo Nguyễn Văn V1 là đội viên Đội phòng chống tội phạm xã M, bị cáo V1 có cha là ông Nguyễn Văn O là người có công với cách mạng (Dân công hỏa tuyến), bị cáo là lao động chính trong gia đình đang nuôi mẹ già Huỳnh Thị N, sinh năm 1948, hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của UBND xã M; bị cáo Phạm Văn T1 có cha là ông Phạm Văn K được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì và được UBND tỉnh Bình Dương tặng bằng khen do có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất, bị cáo bà nội là Trương Thị T được tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng; bị

cáo Nguyễn Văn V là lao động chính trong gia đình, bị cáo là người đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc mẹ ruột Mai Thị L, sinh năm 1942 già yếu, bệnh tật, có xác nhận của UBND xã M, huyện B; bị cáo Lê Văn D là lao động chính trong gia đình, bị cáo đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cha, mẹ già là ông Lê X, sinh năm 1930 và bà Phạm Thị C, sinh năm 1940 đã già yếu, bệnh tật, có xác nhận của UBND xã M, huyện B; bị cáo Đoàn Minh H1 là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị cáo đang nuôi 02 con còn nhỏ sinh năm 2019 và 2021, vợ bị cáo bị bệnh nặng, có xác nhận của UBND xã M, huyện B; bị cáo Phạm Văn P là lao động chính trong gia đình, đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc mẹ ruột là bà Đỗ Thị L, sinh năm 1957 và con nhỏ sinh năm 2019, hoàn cảnh kinh tế gia đình đặc biệt khó khăn (Có xác nhận của UBND xã M, huyện B); bị cáo Nguyễn Tấn Đ1 là đội viên dân phòng xã M, có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống tội phạm được UBND xã M tặng nhiều giấy khen có xác nhận của UBND xã M, huyện B; bị cáo Nhạc Hữu L1 đạt nhiều thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống dịch bệnh covid 19 tại địa phương được UBND xã M tặng giấy khen có xác nhận của UBND xã M, huyện B. Căn cứ tinh thần hướng dẫn tại điểm c mục 5 Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP, ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Mục 2 Công văn số 148/2002/KHXX, ngày 30/9/2002 của Tòa án nhân dân tối cao thì các bị cáo Võ Hùng T, Nguyễn Văn M, Bồ Văn H2, Phạm Văn C, Văn Quang H, Lê Thành Đ, Nguyễn Văn V1, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn V, Lê Văn D, Đoàn Minh H1, Phạm Văn P, Nguyễn Tấn Đ1, Nhạc Hữu L1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Đối với bị cáo Phạm Văn S: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo S đã có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bản thân bị cáo S đã có thành tích xuất sắc trong công tác được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bình Dương và Liên đoàn Lao động tỉnh Bình Dương tặng bằng khen nên bị cáo S được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo S có cha là ông Phạm Văn N và bà nội là bà Bồ Thị C là người có công với cách mạng, có bà ngoại là bà Nguyễn Thị C được Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam anh hùng, bị cáo có ông bà ngoại là Bồ Văn C, Nguyễn Thị C được Nhà nước tặng thưởng huân chương độc lập hạng nhì (Có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã M và bản sao các văn bản liên quan) nên bị cáo S được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

+ Đối với bị cáo Phạm Văn K chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt, phạm tội khi đã trên 70 tuổi, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bản thân là cán bộ lão thành cách mạng được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì và có thành tích xuất sắc trong lao động, học tập, chiến đấu được UBND tỉnh Bình Dương tặng bằng khen “Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi”. Do đó bị cáo Phạm Văn K được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm o, s, v, x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo K có mẹ là bà Trương Thị T được tặng thưởng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam anh hùng nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 136.300.000đ (Một trăm ba mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng) cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Đối với 01 (Một) điện thoại Iphone 12 Promax thu giữ tại chiều bạc là công cụ, phương tiện do bị cáo Vũ L sử dụng vào việc đánh bạc nhưng tài sản này thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Ngọc H cho bị cáo L mượn sử dụng, bị cáo sử dụng để đánh bạc đánh trái phép bà H không biết và số tiền mặt 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) thu giữ trong cốp xe mô tô biển số 69H1-279.xx là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị Ngọc H, căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự cần tuyên trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc H.

- Đối với xe mô tô biển số 69H1-279.xx thuộc quyền sở hữu của ông Vũ Đình T (Cha ruột bị cáo Vũ L), xe mô tô biển số 61L2-46xx thuộc sở hữu của bà Đỗ Thị T, xe ô tô biển số 61K-003.xx thuộc sở hữu của bà Phạm Thị H (Con ruột bị cáo Phạm Văn T1). Ông T, bà T, bà H cho các bị cáo Vũ L, Phạm Văn P, Phạm Văn T1 mượn đi dự tiệc tại nhà bị cáo Võ Hùng T ngày 29/01/2022, các bị cáo nảy sinh ý định đánh bạc thắng thua bằng tiền sau khi dự tiệc tất niên tại nhà T nên các tài sản trên không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý trả lại tài sản thu giữ cho chủ sở hữu Vũ Đình T, Đỗ Thị T, Phạm Thị H là đúng quy định tại khoản 1, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Đối với xe mô tô biển số 61G1-796.xx thuộc quyền sở hữu của bị cáo Đoàn Minh H1, xe mô tô biển số 61N1-049.xx thuộc quyền sở hữu của bị cáo Nguyễn Văn M, xe mô tô biển số 52F5-64xx thuộc quyền sở hữu của bị cáo Phạm Văn C, xe mô tô biển số 61T3-00xx thuộc quyền sở hữu của bị cáo Văn Quang H, xe mô tô biển số 61-xxx.EU thuộc quyền sở hữu của bị cáo Phạm Văn K. Các bị cáo sử dụng làm phương tiện đến nhà bị cáo Võ Hùng T để dự tiệc, sau đó mới nảy sinh ý định đánh bạc, do đó các tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý trả lại tài sản thu giữ cho các bị cáo Đoàn Minh H1, Nguyễn Văn M, Phạm Văn C, Văn Quang H, Phạm Văn K là đúng quy định tại khoản 1, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Đối với các điện thoại di động đã thu giữ bao gồm: 01 điện thoại di động hiệu Sam sung màu xanh đen, 01 bóp da màu đen của bị cáo Nguyễn Văn M; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đen của bị cáo Đoàn Minh H1; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, model 1203 và 01 điện thoại di động Iphone X, màu bạc của bị cáo Phạm Văn T1; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu vàng của bị cáo Văn Quang H; 01 điện thoại di động hiệu Sam sung, màu đen, 01 điện thoại di động Nokia, màu đen, model TA 1174 của bị cáo Phạm Văn C; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen của bị cáo Phạm Văn K; 01 điện thoại di động hiệu Sam sung, màu xanh của bị cáo Phạm Văn P; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu bạc của bị cáo Lê Thành Đ; 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu bạc của bị cáo Nguyễn Văn V; 01 điện thoại di động hiệu VIVO, màu đỏ của bị cáo Nguyễn Văn V1; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, model 1174 của bị cáo Bồ Văn H2; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu vàng của bị cáo Võ Hùng T; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu vàng của bị cáo Nguyễn Tấn

Đ1 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu xanh của bị cáo Nhạc Hữu L1. Các tài sản trên là tài sản cá nhân của các bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội, cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý trả lại cho các bị cáo đã xong là đúng quy định nên không xem xét lại.

- Đối với số tiền thu giữ của các bị cáo nhưng không có căn cứ xác định các bị cáo sẽ sử dụng vào việc đánh bạc nên căn cứ điểm a, b khoản 3 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Tố tụng Hình sự tuyên trả lại cho các bị cáo, cụ thể:

- + Trả lại cho bị cáo Bò Văn H2, số tiền 20.000.000đ;
- + Trả lại cho bị cáo Lê Thành Đ, số tiền 5.000.000đ;
- + Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn V1, số tiền 1.500.000đ;
- + Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T1, số tiền 4.500.000đ;
- + Trả lại cho bị cáo Phạm Văn S, số tiền 3.500.000đ;
- + Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tấn Đ1, số tiền 6.500.000đ;
- + Trả lại cho bị cáo Nhạc Hữu L1, số tiền 11.500.000đ;
- + Trả lại cho bị cáo Đoàn Minh H1, số tiền 22.000.000đ;
- + Trả lại cho bị cáo Phạm Văn K, số tiền 4.000.000đ;

[8] Về quyết định hình phạt: Bị cáo Vũ L có vai trò là người khơi gợi sự ham muốn cho các bị cáo khác giúp sức cho L thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo cũng là người sử dụng điện thoại di động tải game ứng dụng đánh bạc để làm cái và sử dụng số tiền rất lớn để đánh bạc. Tuy bị cáo L chưa có tiền án, tiền sự, có 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng cần xử lý nghiêm, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội do bị cáo đã gây ra, đủ sức tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo tự cải tạo bản thân trong quá trình chấp hành án. Đối với bị cáo Đoàn Minh H1 đã phạm tội mới trong thời gian thử thách của án treo nên cần xử lý nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để bị cáo ý thức chấp hành pháp luật tự cải tạo trở thành người tốt. Đối với bị cáo Nhạc Hữu L1, tuy có vai trò giúp sức không đáng kể, chưa có tiền án, tiền sự có 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng do bị cáo bỏ trốn khỏi nơi cư trú trong thời gian bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, cơ quan Cảnh sát điều tra phải quyết định truy nã mới bắt được bị cáo nên cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo L1 khỏi xã hội một thời hạn đủ để tác dụng răn đe, giáo dục người phạm tội có hành vi bỏ trốn, gây khó khăn, cản trở cho quá trình xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng. Đối với các bị cáo Võ Hùng T, Nguyễn Văn M, Lê Thành Đ, Phạm Văn C, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn V, Lê Văn D, Phạm Văn T1, Bò Văn H2, Văn Quang H, Phạm Văn P, Nguyễn Tấn Đ1 giữ vai trò thứ yếu trong vụ án có đồng phạm, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội, mỗi bị cáo đều có 02 tình tiết giảm nhẹ hình phạt trong đó có 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 và từ 01 đến 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, các bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền từ 100.000đ đến 7.000.000đ. Bị cáo Phạm Văn S là đồng phạm

giúp sức có 02 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, các bị cáo: Võ Hùng T, Nguyễn Văn M, Lê Thành Đ, Phạm Văn C, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn V, Lê Văn D, Phạm Văn T1, Bò Văn H2, Văn Quang H, Phạm Văn P, Nguyễn Tấn Đ1, Phạm Văn S đều có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội với vai trò giúp sức hội đủ các điều kiện được hưởng án treo và việc cho các bị cáo được hưởng án treo cũng không ảnh hưởng đến an ninh trật tự an toàn xã hội tại địa phương nên Hội đồng xét xử cho các bị cáo Võ Hùng T, Nguyễn Văn M, Lê Thành Đ, Phạm Văn C, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn V, Lê Văn D, Phạm Văn T1, Bò Văn H2, Văn Quang H, Phạm Văn P, Nguyễn Tấn Đ1, Phạm Văn S được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2022/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tối cao. Đối với bị cáo Phạm Văn K phạm tội khi đã trên 70 tuổi, sức khỏe bị cáo kém do lớn tuổi, bị cáo có 05 tình tiết giảm nhẹ tại Điều 51 Bộ luật Hình sự trong đó có 04 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo chỉ tham gia đánh 01 ván bạc với số tiền 100.000đ. Xét thấy việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Phạm Văn K cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[9] Lời bào chữa của luật sư đã bào chữa cho bị cáo Phạm Văn K đề nghị xem xét cho bị cáo K được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ do có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Mức hình phạt áp dụng đối với từng bị cáo, xử lý tang vật, tài sản thu giữ theo đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo Vũ L, Võ Hùng T, Nguyễn Văn M, Lê Thành Đ, Phạm Văn C, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn V, Lê Văn D, Phạm Văn T1, Bò Văn H2, Văn Quang H, Phạm Văn P, Nguyễn Tấn Đ1, Phạm Văn S, Đoàn Minh H1, Nhạc Hữu L1 phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Miễn án phí cho bị cáo Phạm Văn K do bị cáo là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo: Vũ L, Võ Hùng T, Phạm Văn C, Nguyễn Văn M, Bò Văn H2, Lê Thành Đ, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn V, Đoàn Minh H1, Phạm Văn T1, Văn Quang H, Phạm Văn P, Lê Văn D, Phạm Văn S, Nguyễn Tấn Đ1, Nhạc Hữu L1 và Phạm Văn K phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Vũ L 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt để thi hành án và được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2022 đến ngày 08/7/2022 và thời gian tạm giam lại từ ngày 08/8/2022 đến ngày 31/8/2022.

2.2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm a khoản 1 Điều 55, khoản 2 Điều 56, Điều 58,

khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC, ngày 07/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

Xử phạt bị cáo Đoàn Minh H1 03 (Ba) năm tù. Tổng hợp hình phạt 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại Bản án số 57/2021/HS-ST, ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên bị cáo chưa chấp hành xong. Buộc bị cáo Đoàn Minh H1 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt để thi hành án và được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ tạm giam từ ngày 29/01/2022 đến ngày 08/7/2022 và thời gian tạm giam lại từ ngày 08/8/2022 đến ngày 31/8/2022.

2.3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC, ngày 07/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

Xử phạt bị cáo Nhạc Hữu L1 03 (Ba) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 08/6/2024 và được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ tạm giam từ ngày 29/01/2022 đến ngày 29/4/2022.

2.4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điều 2, 4, 5, 6 của Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC, ngày 07/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán - Tòa án nhân dân tối cao:

- Xử phạt bị cáo Võ Hùng T 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 03/7/2024).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 03/7/2024).

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn C 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 03/7/2024).

- Xử phạt bị cáo Bò Văn H2 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 03/7/2024).

- Xử phạt bị cáo Lê Thành Đ 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 03/7/2024).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 03/7/2024).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V1 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 03/7/2024).

- Xử phạt bị cáo Văn Quang H 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 03/7/2024).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Đ1 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 03/7/2024).

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 03/7/2024).

- Xử phạt bị cáo Lê Văn D 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 03/7/2024).

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn P 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 03/7/2024).

2.5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, Điều 17, Điều 38, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điều 2, 4, 5, 6 của Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC, ngày 07/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán - Tòa án nhân dân tối cao:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn S 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 03/7/2024).

2.6. Giao các bị cáo: Nguyễn Văn M, Võ Hùng T, Phạm Văn C, Bò Văn H2, Lê Thành Đ, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn V, Phạm Văn T1, Văn Quang H, Lê Văn D, Nguyễn Tấn Đ1, Phạm Văn S, Phạm Văn P cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.7. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, Điều 17, Điều 36, điểm o, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn K 03 (Ba) năm cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan Thi hành án hình sự nhận được quyết định thi hành án hình sự và bản án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn K cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bình Dương và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Phạm Văn K do đã già yếu không còn khả năng lao động tạo thu nhập.

2.8. Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 88, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 100, 101, 102, 103 ngày 24/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đối với các bị cáo Nguyễn Văn M, Võ Hùng T, Phạm Văn C, Bò Văn H2, Lê Thành Đ, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn V, Phạm Văn T1, Văn Quang H, Lê Văn D, Nguyễn Tấn Đ1, Phạm Văn S, Phạm Văn P và Phạm Văn K.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 136.300.000đ (Một trăm ba mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc H 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max màu trắng, số imel: 353776394989386 và số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng);

- Trả lại cho các bị cáo số tiền không sử dụng vào việc đánh bạc, bao gồm:

- + Trả lại cho bị cáo Bồ Văn H2 số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng);

- + Trả lại cho bị cáo Lê Thành Đ số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);

- + Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn V1 số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng);

- + Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T1 số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng);

- + Trả lại cho bị cáo Phạm Văn S số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng);

- + Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tấn Đ1 số tiền 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng);

- + Trả lại cho bị cáo Nhạc Hữu L1 số tiền 11.500.000đ (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng);

- + Trả lại cho bị cáo Đoàn Minh H1 số tiền 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng);

- + Trả lại cho bị cáo Phạm Văn K số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên và Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 12/9/2022 tại Kho bạc nhà nước huyện Bắc Tân Uyên).

4. Về án phí sơ thẩm:

Các bị cáo Vũ L, Đoàn Minh H1, Nhạc Hữu L1, Nguyễn Văn M, Võ Hùng T, Phạm Văn C, Bồ Văn H2, Lê Thành Đ, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn V, Phạm Văn T1, Văn Quang H, Lê Văn D, Nguyễn Tấn Đ1, Phạm Văn S, Phạm Văn P mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Phạm Văn K.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thanh H2 có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng PV06 - Công an Bình Dương (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên (01);
- Công an huyện Bắc Tân Uyên (01);
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên (01);
- Các bị cáo (17);
- Người có QLNVLQ (02);
- Lưu: HS, VT (02).

Nguyễn Văn Thanh